

Bản án số: 46/2024/HS-ST

Ngày: 20/5/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Xuân Mai.

Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Xuân P, sinh năm 1981; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: Bình Định; Hộ khẩu thường trú: D C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, sinh năm 1952 và bà Võ Thị M, sinh năm 1952; có chồng tên Trần Khánh H, sinh năm 1979 và 02 người con, sinh năm 2011 và năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 07/4/2023, bị Công an P1, Quận A xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã đóng phạt xong.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/10/2023 đến ngày 01/11/2023 chuyển sang tạm giam tại Trại tạm giam C Công an Thành phố H. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Đào Thị L, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Doanh nghiệp tư nhân K (Vắng mặt)

Địa chỉ: C C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/10/2023, Lê Thị Xuân P đi bộ đến tiệm V số C C, Phường A, Quận C. Tại đây, do có ý định chiếm đoạt tài sản nên P giả vờ hỏi mua vàng và nói bà Đào Thị L là chủ tiệm vàng lấy 01 kiềng đeo cổ bằng vàng loại 05 chỉ, 01 vòng đeo tay bằng vàng loại 02 chỉ đưa cho P xem. Khi bà L vừa đưa cho P

kiềng và vòng vàng thì P cầm trên tay và nhanh chóng bỏ chạy bộ tẩu thoát. Bà L tri hô nhưng do không có người trông coi tiệm nên không đuổi theo P được. Khoảng 10 giờ 15 phút, khi P đang bỏ chạy bộ vào hẻm B T, Phường A, Quận A thì anh Trần Trung T2 là Cảnh sát khu vực và ông Thạch Thái N là phó Ban điều hành khu phố 1 thấy P đang chạy bộ có biểu hiện nghi vấn nên đuổi theo đến trước số E C, Phường A, Quận A thì giữ được P. Qua kiểm tra, phát hiện trên tay của P đang cầm 01 kiềng màu vàng và 01 vòng đeo tay màu vàng nên đưa P về trụ sở Ban điều hành khu phố A, Phường A, Quận A làm việc. Tại đây, P khai tài sản trên vừa cướp giật được tại tiệm V nên anh T2 và ông N đưa P và tang vật bàn giao cho Công an P2, Quận C lập hồ sơ chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Lê Thị Xuân P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 6944/KL-KTHS ngày 08/12/2023, của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: chiếc kiềng bằng kim loại màu vàng, khối lượng 50,58gram, có thành phần kim loại chủ yếu là vàng (Au) 97,60% có lẫn tạp chất và chiếc vòng tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 15,4714gram có thành phần chủ yếu là vàng (Au) 97,61% có lẫn tạp chất.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 04/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận C kết luận: vào thời điểm tháng 11/2023, 01 vòng kiềng bằng kim loại màu vàng, đường kính 16cm có khối lượng 05 chỉ vàng, hàm lượng 97,61% loại 24k có giá 29.500.000 đồng; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, khối lượng 2 chỉ vàng, hàm lượng 97,60% loại 24k có giá 11.800.000 đồng. Tổng cộng 41.300.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, phía trên có dính tờ giấy nhỏ ghi “DNTN Vĩnh Phú tại C C, Phường A, Quận C” có ghi chữ KLV 2c0p0 và 01 chiếc kiềng bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, phía trên có dính tờ giấy nhỏ ghi “DNTN Vĩnh Phú tại C C, Phường A, Quận C” có ghi chữ KLV 5c0p0. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho bà Đào Thị L.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE màu đỏ, số máy MHGV3VN/A, số seri FFMDT8DJPLK4, đã qua sử dụng.

- 01 áo thun màu vàng, 01 quần jean màu xanh, 01 áo khoác màu hồng, 01 đôi vớ màu đen, 01 đôi giày vải màu trắng đen cũ, đã qua sử dụng là trang phục của P mặc khi thực hiện hành vi cướp giật. Đã nhập kho vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đào Thị L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKS-Q3 ngày 27 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Lê Thị Xuân P về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Thị Xuân P có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại bà Đào Thị L vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Doanh nghiệp tư nhân K (Vắng mặt); ông Lê Văn T1 (Vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân P từ 03 (ba) năm tù

giam đến 04 (bốn) năm tù giam. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo P rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt, sớm về với chồng và các con nhỏ, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại bà Đào Thị L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Doanh nghiệp tư nhân K; Ông Lê Văn T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử: Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, nội dung ghi hình camera, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Thị Xuân P đã thực hiện hành vi giả vờ hỏi mua vàng và nói bà Đào Thị L là chủ tiệm vàng lấy 01 kiềng đeo cổ bằng vàng loại 05 chỉ, 01 vòng đeo tay bằng vàng loại 02 chỉ đưa cho P xem. Khi bà L vừa đưa cho P kiềng và vòng vàng thì P cầm trên tay và nhanh chóng bỏ chạy bộ tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 41.300.000 đồng. Do vậy bị cáo Lê Thị Xuân P bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” tương ứng theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định

để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đào Thị L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đúng, đủ tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm (Bút lục số 53). Do vậy, về trách nhiệm dân sự không có gì để Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, phía trên có đính tờ giấy nhỏ ghi “DNTN Vĩnh Phú tại C C, Phường A, Quận C” có ghi chữ KLV 2c0p0 và 01 chiếc kiềng bằng kim loại màu vàng, đường kính 06cm, phía trên có đính tờ giấy nhỏ ghi “DNTN Vĩnh Phú tại C C, Phường A, Quận C” có ghi chữ KLV 5c0p0. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã trả lại cho bà Đào Thị L (Bút lục số 53).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE màu đỏ, số máy MHGV3VN/A, số seri FFMDT8DJPLK4, đã qua sử dụng; là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án, vậy căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 giao trả lại cho bị cáo.

+ 01 áo thun màu vàng, 01 quần jean màu xanh, 01 áo khoác màu hồng, 01 đôi vớ màu đen, 01 đôi giày vải màu trắng đen cũ, đã qua sử dụng là trang phục của bị cáo P mặc khi thực hiện hành vi cướp giật không còn giá trị sử dụng và bị cáo không có yêu cầu nhận lại; do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu và tiêu hủy.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Xuân P đã phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2/ Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Thị Xuân P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 27/10/2023.

3/ Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy: 01 áo thun màu vàng, 01 quần jean màu xanh, 01 áo khoác màu hồng, 01 đôi vớ màu đen, 01 đôi giày vải màu trắng đen cũ, đã qua sử dụng.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; giao trả cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE màu đỏ, số máy MHGV3VN/A, số seri FFMDT8DJPLK4, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 63/BB/2024 ngày 16/4/2024 giữa Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Q1, Thành phố Hồ Chí Minh).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc: Bị cáo Lê Thị Xuân P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Phòng PV06;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VP, THAHS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn